UBND TỈNH ĐĂK NÔNG **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1156/BC-SGDĐT	*Đăk Nông, ngày 03 tháng 7 năm 2017*

BÁO CÁO CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2016-2017

Thực hiện công văn số 516/NGCBQLGD-VP ngày 21/4/2017 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về báo cáo công tác xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo năm học 2016-2017, Sở Giáo dục và Đào tạo xin được báo cáo như sau:

1. Những công việc đã triển khai chỉ đạo và thực hiện

Năm học 2016-2017, Sở Giáo dục và Đào tạo đã trú trọng triển khai thực hiện công tác xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo như: tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển; cụ thể như sau:

- Thường xuyên tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý về chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 44/NQ-CP, Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 404/QĐ-TT ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025".

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức kiểm tra, rà soát việc thực hiện biên chế sự nghiệp giáo dục từ mầm non đến cấp trung học phổ thông trong toàn tỉnh. Qua kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch điều chỉnh biên chế giữa các địa phương, đơn vị; giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Trên cơ sở Kế hoạch số 1144/SGDĐT-TCCB ngày 22/8/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên. Hè 2017, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh triển khai công tác bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp.

- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển: Năm học 2016-2017, Sở Giáo dục và Đào tạo có 25 cán bộ, công chức, viên chức.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục nghiêm túc thực hiện việc đánh giá đội ngũ theo chuẩn/tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên và cán bộ

quản lý giáo dục các cấp, theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và các quy định về đánh giá cán bộ, công chức hiện hành. Sử dụng các kết quả đánh giá để sàng lọc, tinh giản biên chế đội ngũ theo quy định cũng như xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá đội ngũ.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục, nhất là đối với giáo viên người dân tộc thiểu số, giáo viên đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số, các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ.

Triển khai thực hiện kịp thời việc bổ nhiệm vào hạng và xếp lương theo hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp cho 9.035 người; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thiện các tiêu chuẩn theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp để đảm bảo việc thi/xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp theo quy định. Sở Giáo dục và Đào tạo đang hoàn thành thủ tục các bước đề nghị phong tặng nhà giáo ưu tú cho 06 nhà giáo tiêu biểu, có đóng góp cho ngành giáo dục.

2. Những thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Thuận lợi:

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để ngành giáo dục thực hiện tốt nhiệm vụ. Số lượng nhà giáo và cán bộ quản lý tăng lên đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhân lực cho ngành giáo dục trong bối cảnh phát triển mạnh về qui mô trường lớp, số lượng học sinh ở các cấp học.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh đều đã đạt chuẩn trình độ đào tạo, và trên chuẩn trình độ đào tạo. Năng lực sư phạm của phần lớn nhà giáo được nâng lên, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học ở phổ thông.

- Bước đầu tiếp cận phương pháp giáo dục và phương thức quản lý tiên tiến. Ở các cơ sở giáo dục Mầm non đã có những chuyển biến trong việc tổ chức chăm sóc, nuôi dạy trẻ theo phương pháp khoa học. Ở các cấp học phổ thông đã có những thay đổi lớn về phương pháp soạn bài, giảng bài, tổ chức giáo dục theo chủ đề, chủ điểm, giáo viên biết khơi gợi tính tích cực, tự giác của học sinh.

- Đa số nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vẫn giữ được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong cơ chế thị trường. Trong cơ chế thị trường, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vẫn thực sự là lực lượng nòng cốt trong ngành giáo dục, là nhân tố quyết định cho những thành công của giáo dục nước nhà, đóng góp quan

trọng vào việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Khó khăn:

- Chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn có sự chênh lệch so với vùng thuận lợi; một bộ phận nhà giáo chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở giáo dục phổ thông; toàn tỉnh còn thiếu số lượng lớn giáo viên mầm non.

3. Nguyên nhân:

- Công tác dự báo và quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp chưa được chú trọng đúng mức, dẫn đến tình trạng thừa thiếu cục bộ.

- Công tác thanh tra, kiểm tr, giám sát hoạt động của nhà giáo và cán bộ quản lý chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ, chưa thực sự nghiêm minh trong xử lý những hiện tượng, vụ việc vi phạm qui chế chuyên môn và đạo đức nhà giáo.

4. Những đề xuất trong việc xây dựng đội ngũ giáo viên

Để nâng cao hiệu quả hơn nữa trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, khắc phục những khó khăn tồn tại nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo xin có một số ý kiến đề xuất như sau:

- Xây dựng chế độ lương và phụ cấp ưu đãi cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đúng với tính đặc thù lao động của họ, đặc biệt là những cán bộ công tác tại các địa bàn kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

- Xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý cho giáo viên kiêm nhiệm, hợp đồng để khắc phục những bất cập hiện nay về số lượng và cơ cấu đội ngũ.

Trên đây là báo cáo về công tác xây dựng đội ngũ giáo viên năm học 2016-2017, Sở Giáo dục và Đào tạo xin báo cáo để Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục biết và tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;
- Lưu VP, p.TCCB.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG

Đỗ Thị Việt Hà

UBND TỈNH ĐĂK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Phụ lục 01)

BIỂU TỔNG HỢP CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2016-2017

(Tính đến ngày 31/5/2017)

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra																								
			Giới tính		Dân tộc		Đảng viên		Trình độ chuyên môn (cao nhất)						Trình độ Ngoại ngữ			Trình độ Tin học			Lý luận chính trị				Đã bồi dưỡng		
			Nam	Nữ	Kinh	Thiểu số	Nam	Nữ	TS	ThS,S ĐH	ĐH	CĐ	TC	Còn lại	ĐH	CĐ	Chứng chỉ	ĐH	CĐ	Chứng chỉ	CC	ĐH	TC	SC	QL NN	QL GD	QP AN
Tổng hợp chung																											
	CÁC CẤP HỌC																										
	I. Trong biên chế																										
1	CBQL	928	425	503	701	49	460	496	1	57	787	55	39		19		894	6		913	204		543	182	2	720	457
2	Giáo viên	8990	1928	7062	7902	1088	452	1676		117	5136	1467	2270		397	2	5513	195		6572				6322			
3	Nhân viên	1838	371	1467	1711	127	44	254			246	92	719	270			649			1154				68			
	Cộng I	11756	2724	9032	10314	1264	956	2426	1	174	6169	1614	3028	270	416	2	7056	201		8639	204		543	6572	2	720	457
A	CẤP MẦM NON																										
	I. Trong biên chế																										
1	CBQL	291		291	275	16		286		4	246	22	19				279			286	58		183	50		178	145
2	Giáo viên	1883		1883	1530	353		495			633	176	1074				782			1021				633			
3	Nhân viên	579	104	475	548	31		54			82	27	316	154			65			275							
	Cộng I	2753	104	2649	2353	400		835		4	961	225	1409				1126			1582	58		183	683		178	145
B	CẤP TIỂU HỌC																										
	I. Trong biên chế																										
1	CBQL	340	178	162	318	22	172	160		2	301	17	20				331			336	78		187	73		291	183
2	Giáo viên	3499	700	2799	3092	407	142	586		3	1815	523	1158				2746			2964				2867			
3	Nhân viên	519	82	437	468	51	9	71									213			345							
	Cộng I	4358	960	3398	3878	480	323	817		5	2116	540	1178				3290			3645	78		187	2940		291	183
B1	Khối trường Phổ thông dân tộc bán trú cấp Tiểu học																										
I	Trong biên chế																										
1	CBQL	3	3		3		3				3						3			3			2	1			
2	Giáo viên	50	18	32	28	22	4	9			10	2	38		2		23			31				10			

Chia ra

Stt	Nội dung	Tổng số	Giới tính		Dân tộc		Đảng viên		Trình độ chuyên môn (cao nhất)						Trình độ Ngoại ngữ			Trình độ Tin học			Lý luận chính trị				Đã bồi dưỡng		
			Nam	Nữ	Kinh	Thiểu số	Nam	Nữ	TS	ThS,SĐH	ĐH	CĐ	TC	Còn lại	ĐH	CĐ	Chứng chỉ	ĐH	CĐ	Chứng chỉ	CC	ĐH	TC	SC	QL NN	QL GD	QP AN
3	Nhân viên	6	2	4	4	2		1					2	4			1			2							
	Cộng I	**59**	**23**	**36**	**35**	**24**	**7**	**10**			**13**	**2**	**40**	**4**	**2**		**27**			**36**			**2**	**11**			
B2	**Khối trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật (ghi rõ loại hình trường: cấp Tiểu học/tiểu học-THCS)**																										
I	**Trong biên chế**																										
1	CBQL																										
2	Giáo viên																										
3	Nhân viên																										
	Cộng I																										
C	**CẤP THCS**																										
I	**Trong biên chế**																										
1	CBQL	182	151	31		1	178	31		3	164	15			9		175	5		178	32		112	38		157	93
2	Giáo viên	2330	839	1491	2126	204	204	351		4	1612	714			227		1173	116		1531				1612			
3	Nhân viên	374	90	284	341	33	14	48			67	15	209	83			158			276				67			
	Cộng I	**2886**	**1080**	**1806**	**2467**	**238**	**396**	**430**		**7**	**1843**	**744**	**209**	**83**	**236**		**1506**	**121**		**1985**	**32**		**112**	**1717**		**157**	**93**
C1	**Khối trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện**																										
I	Trong biên chế																										
1	CBQL																										
2	Giáo viên																										
3	Nhân viên																										
	Cộng I																										
C2	Khối trườngPhổ thông dân tộc bán trú cấp THCS																										
I	Trong biên chế																										
1	CBQL	2	2		2						1	1					2			2			2			2	2
2	Giáo viên	17	6	11	14	3	2	3			6	11			2		8	1		13				6			
3	Nhân viên	3	2	1	3								1	2			1			1							

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra																								
			Giới tính		Dân tộc		Đảng viên		Trình độ chuyên môn (cao nhất)						Trình độ Ngoại ngữ			Trình độ Tin học			Lý luận chính trị				Đã bồi dưỡng		
			Nam	Nữ	Kinh	Thiểu số	Nam	Nữ	TS	ThS,SĐH	ĐH	CĐ	TC	Còn lại	ĐH	CĐ	Chứng chỉ	ĐH	CĐ	Chứng chỉ	CC	ĐH	TC	SC	QL NN	QL GD	QP AN
	Cộng I	22	10	12	19	3					7	12			2		11	1		16			2	6		2	2
D	KHỐI THPT																										
I	Trong biên chế																										
1	CBQL	85	69	16	82	6	85	16	1	39	56				8		81			84	28		45	15	1	71	27
2	Giáo viên	1042	321	721	956	86	85	141		82	960				145		671	63		872				1042			
3	Nhân viên	246	60	186	240	6	14	66			71	34	149				165			182							
	Cộng	1373	450	923	1278	98	184	223	1	121	1087	34	149		153		917			1138	28		45	1057		71	27
D1	Khối trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh																										
I	Trong biên chế																										
1	CBQL	19	17	2	15	4	17	2		3	16				1		17	1		18	6		8	5		10	5
2	Giáo viên	104	30	74	93	11	9	58		14	49	41			12	2	58	14		78				104			
3	Nhân viên	94	24	70	92	2	7	12			22	14	36	22			39			64							
	Cộng I	217	71	146	200	17	33	72		17	87	55	36		13	2	109	15	0	157	6		8	109		16	5
D2	Khối trường Chuyên																										
I	Trong biên chế																										
1	CBQL	4	3	1	4		3	1		4							4			4	1		3		1	3	1
2	Giáo viên	48	9	39	46	2	2	31		13	35				9		38			45				48			
3	Nhân viên	10	4	6	9	1		2			3	2	3	2			5			5							
	Cộng I	62	16	46	59	3	5	34		17	38	2	3	2	9		47			54	1		3	48		3	1
G	KHỐI TRUNG TÂM CẤP TỈNH																										
I	Trong biên chế																										
1	CBQL	2	2		2		2			2					1		2			2	1		1			2	1
2	Giáo viên	17	5	12	17		4	2		1	16						14	1		17							
3	Nhân viên	7	3	4	6	1					1		3	3			2			4				1			
	Cộng	26	10	16	25	1	6	2		3	17		3	3	1		18	1		23	1		1	1		2	1

UBND TỈNH ĐĂK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Phụ luc 02)

BIỂU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ THEO CHUẨN HIỆU TRƯỞNG, CHUẨN PHÓ HIỆU TRƯỞNG NĂM HỌC 2016-2017

(Tính đến ngày 31/5/2017)

Stt	Cấp học	Hiệu trưởng									Phó Hiệu trưởng								
		Tổng HT được ĐG	Xuất sắc		Khá		Trung bình		Kém		Tổng PHT được ĐG	Xuất sắc		Khá		Trung bình		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	Tổng hợp																		
1	Mầm non	113	87	77%	26	23%					178	112	63%	62	35%	4	2%		
2	Tiểu học	142	114	80%	28	20%					198	127	64%	70	35%	1	1%		
3	THCS	83	67	81%	16	19%					101	72	71%	27	27%	2	2%		
4	THCS NT																		
5	THPT	31	24	77%	7	23%					72	48	67%	24	33%	0	0%		
6	TT GDTX, TT NN TH, TTKTTH	4	2	50%	2	50%					3		0%	3	100%	0	0%		

UBND TỈNH ĐĂK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 03

BIỂU QUY MÔ, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2016-2017

(Tính đến ngày 31/5/2017)

TT	Đơn vị	Số trường	Số lớp	Số học sinh, số trẻ	Tổng biên chế được giao năm 2017	Biên chế có mặt tính đến 31/5/2017												Hợp đồng lao động			
						Tổng số	Trong đó											Tổng số	Trong đó		
							CB QL	Giáo viên	Nhân viên	Dân tộc		Nữ		Tỷ lệ GV/lớp	Tỷ lệ GV/lớp theo TT 35	Thừa	Thiếu		Giáo viên	Nhân viên	HĐ68
										Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
I	Khối phổ thông	373	5331	162633	10337	11733	923	8877	1829	1232	0.105	8889	0.758			173.8	1018	1477	845	254	381
1	THPT	35	541	19922	1655	1655	108	1267	176	114	0.07	1055	0.64	2.34	1217	50		115	12	5	101
2	THCS	83	1170	40307	2780	2908	184	2347	377	238	0.08	1809	0.62	2.01	2223	124		128	76	17	35
3	Tiểu học	142	2405	66829	4136	4417	340	3380	697	480	0.11	3398	0.77	1.41	3608		228	279	151	30	98
4	Mầm non	113	1215	35575	1766	2753	291	1883	579	400	0.15	2627	0.95	1.55	2673		790	955	606	202	147
II	Khối TT GDNN-GDTX huyện																				
III	Khối trung tâm cấp tỉnh	1	3	86	24	23	2	17	4	1	0.04	16	0.70				1	3			3
Tổng cộng I, II, III		374	5334	162719	10361	11756	925	8894	1833	1233	0.105	8905	0.757			173.8	1019	1480	845	254	384

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 04

BÁO CÁO
Kết quả bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập

I. Kết quả bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

TT	Cấp học	Tổng số giáo viên	Được bổ nhiệm hạng				Chưa bổ nhiệm hạng
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1	Mầm non	1561		459	269	788	45
2	Tiểu học	3744		1751	728	1235	30
3	THCS	2460		1625	815	0	20
4	THPT	1270		03	1266		01

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập

Sau khi Thông tư số 20, 21, 22, 23/2015/TT-BGDĐT được ban hành, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phổ biến các văn bản trên đến tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên một số địa phương áp dụng máy móc quy định của Thông tư trong việc bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp (*một số địa phương yêu cầu phải có trình độ ngoại ngữ, tin học thì mới bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp*); dẫn đến chậm bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông.

Đến khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 6261/BGDĐT-CNGCBQLGD ngày 23/12/2016 về việc rà soát, chấn chỉnh tổ chức học, thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học cho giáo viên; đồng thời, trên cơ sở chỉ đạocủa

UBND tỉnh, các địa phương đã triển khai và hoàn thành công tác bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên các cấp.

III. Kiến nghị, đề xuất đối với việc tổ chức thi/xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập

Để việc tổ chức thi/xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông sớm được thực hiện, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thật cụ thể để địa phương triển khai thực hiện đạt kết quả.

Sở Giáo dục và Đào tạo xin được báo cáo để Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục biết và tổng hợp./.